

Thứ sáu, ngày 18 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp tục điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/10/2019		•	
Tuần 21/10-25/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index mở đầu phiên giao dịch với diễn biến khá tích cực nhờ lực kéo từ các mã bluechips như VNM, VHM, VCB. Trong phần lớn thời gian phiên chiều, chỉ số vẫn duy trì được sắc xanh. Tuy nhiên, cung bán gia tăng tại các mã BID, MSN, CTG, HVN, VCB đã kéo VN-Index xuống dưới mốc tham chiếu. Thừa hưởng những diễn biến tiêu cực của các TTCK khác trong khu vực, thị trường giao dịch có phần giằng co trong phiên ATC. Thông tin kém khả quan về tăng trưởng GDP quý III của Trung Quốc đạt mức thấp nhất trong lịch sử đã gây ảnh hưởng tiêu cực lên tâm lý nhà đầu tư, thể hiện qua thanh khoản sụt giảm nhẹ.

Hợp đồng tương lai: Các HDTL điều chỉnh giảm trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều với chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. MSN điều chỉnh giảm mạnh trong những phiên gần đây sau khi tích lũy tại vùng 77-77.5. Thanh khoản tăng và các chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu giảm ngắn hạn. Điều chỉnh giảm của MSN có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme Cổ tức cao - Thanh khoản tốt 0.2%. 7/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan và tốt hơn VNINDEX (-0.1%). Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.2%**.

Phân tích kỹ thuật: ANV_Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: TCM, KDH, TNG, TCB, BID

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.62 điểm**, đóng cửa 989.20. HNX-Index **-0.59 điểm**, đóng cửa 105.48.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.78); VHM (+0.50); PLX (+0.10); VJC (+0.09); FPT (+0.08).**
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.69); MSN (-0.34); CTG (-0.32); HVN (-0.25); VCB (-0.21).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,940 tỷ đồng**, **-9.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.62 điểm. Thị trường có 146 mã tăng, 61 mã tham chiếu và 165 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **40.86 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (57.06 tỷ), VCB (18.99 tỷ) và KBC (6.15 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.73 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

989.20

Giá trị: 2941 tỷ

-0.62 (-0.06%)

Khối ngoại (ròng): 40.86 tỷ

HNX-INDEX

105.48

Giá trị: 276.52 tỷ

-0.59 (-0.56%)

Khối ngoại (ròng): -0.73 tỷ

UPCOM-INDEX

56.46

Giá trị: 168.9 tỷ

-0.01 (-0.02%)

Khối ngoại(ròng): 2.65 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.0	0.20%
Giá vàng	1,488	-0.25%
Tỷ giá USD/VND	23,204	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,698	0.29%
Tỷ giá JPY/VND	21,352	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	2.75%
LS TPCP 5 năm	2.8%	0.33%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	57.1	VIC	-21.2
VCB	19.0	POW	-14.7
KBC	8.3	MSN	-13.3
GAS	6.2	NVL	-10.1
HAX	5.8	CII	-9.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 7/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan và tốt hơn VNINDEX (-0.1%). Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.2%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **12/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **3/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_ **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.2%**

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	0.6%	0.5%	-5.0%	-0.2%	12.9%	46.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	-0.2%	-1.5%	0.4%	0.3%	8.0%	78.1%
BDS & Khu công nghiệp	0.1%	-0.8%	-2.5%	1.1%	3.0%	3.1%	56.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	0.1%	-0.7%	7.7%	13.5%	14.2%	91.1%
Chiến tranh thương mại	0.1%	-0.4%	-1.0%	-6.4%	-4.9%	-2.4%	6.3%
Dầu khí	0.0%	-1.3%	-4.3%	-5.4%	-3.9%	-6.0%	7.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	-0.1%	0.9%	5.5%	8.3%	8.2%	70.7%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-0.8%	-2.4%	-2.1%	1.2%	8.3%	50.9%
Xây dựng	-0.1%	-2.2%	-1.1%	-1.5%	-5.5%	-9.9%	24.7%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.1%	-0.1%	1.5%	1.1%	-2.0%	-5.8%	-5.4%
Lãi suất giảm	-0.3%	-0.4%	1.3%	0.2%	1.7%	3.5%	52.7%
Hàng tiêu dùng	-0.3%	0.2%	0.4%	5.5%	9.9%	10.9%	64.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.4%	-0.1%	-0.6%	5.9%	11.0%	6.1%	77.7%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-0.5%	0.3%	2.6%	4.4%	3.3%	4.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.5%	0.7%	3.1%	5.5%	5.5%	1.0%	37.6%
Ngân hàng	-0.9%	0.6%	3.5%	9.4%	12.2%	10.3%	83.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.3%	-0.8%	-0.3%	-8.8%	-12.2%	-15.1%	39.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 7	0.6%	0.5%	3.5%	3.3%	6.7%	8.8%	48.6%
Danh mục 1	0.4%	0.5%	1.7%	9.4%	13.2%	11.5%	73.3%
Danh mục 9	0.4%	-0.5%	-0.6%	5.1%	9.6%	9.4%	53.4%
Danh mục 3	-0.2%	-0.2%	-0.6%	2.1%	1.2%	-3.9%	27.5%
Danh mục 10	-0.3%	-1.4%	-3.9%	4.2%	10.0%	5.0%	61.9%
* Note	12/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	0.5%	0.1%	2.1%	0.5%	4.6%	9.9%	18.3%
Danh mục 19	0.4%	0.7%	3.0%	8.5%	13.4%	18.9%	61.0%
Danh mục 23	0.2%	0.5%	1.9%	2.5%	3.8%	9.6%	107.6%
Danh mục 25	-0.4%	-1.7%	-1.8%	0.4%	10.3%	25.4%	169.3%
Danh mục 22	-0.6%	-0.4%	-1.0%	10.2%	16.9%	11.9%	75.6%
* Note	3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.1%	-0.3%	-0.8%	0.7%	2.4%	3.9%	44.6%
VN30INDEX	0.0%	0.3%	0.0%	4.5%	4.4%	-1.0%	39.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/18/2019

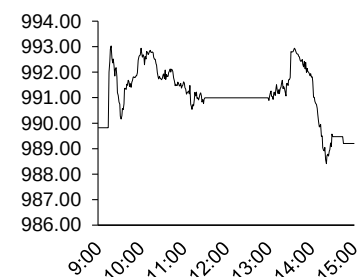
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

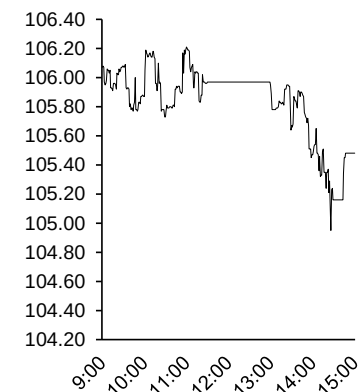
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	-0.7%
Ngân hàng	-0.6%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Hóa chất	-0.3%
Tài nguyên Cơ bản	-0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%
Xây dựng và Vật liệu	-0.1%
Bảo hiểm	-0.1%
Bán lẻ	0.0%
Viễn thông	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.1%
Truyền thông	0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.1%
Bất động sản	0.2%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Dầu khí	0.4%
Công nghệ Thông tin	0.5%
Y tế	0.9%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

ANV_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: ANV đang ở trong xu hướng hồi phục sau khi tích lũy gần hai tháng tại khu vực 24 - 25. Thanh khoản cổ phiếu tăng đồng thuận với những phiên tăng điểm. Hơn nữa, các chỉ báo kỹ thuật đang ở trạng thái tích cực, trong đó RSI chưa chạm đến vùng quá mua, cho thấy dư địa tăng trong ngắn hạn vẫn còn nhiều. Bên cạnh đó, việc ANV đã thoát khỏi vùng kháng cự tại mốc 26 càng làm củng cố thêm cho trạng thái tích cực hiện nay của cổ phiếu này. Như đã đề cập trong báo cáo tuần 36, chúng tôi nhận định ANV có thể hồi phục về khu vực 28 - 29 trong thời gian tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

Cập nhật KQKD

Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm

Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bố mẹ, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phú) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn/ngày

Chi tiết tham khảo BSC - iBroker: Express ANV 2019Q4

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 18/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 18/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.87	1.09%	-0.67%	-8.46%	-22.52%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	59.74	0.52%	-0.36%	-7.41%	-25.74%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.62	-0.33%	-0.98%	-3.04%	-15.00%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1492.57	0.24%	-0.08%	-0.06%	21.86%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.58	0.93%	0.55%	-0.93%	20.79%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	931.06	0.32%	1.38%	5.34%	8.42%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	524.55	2.05%	5.78%	6.54%	1.66%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.62	0.00%	-0.05%	2.03%	19.74%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.90	0.54%	-0.27%	-12.34%	2.39%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.29	-0.49%	-0.16%	12.64%	-10.67%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.24	3.18%	3.18%	1.89%	-1.52%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	93.00	-0.59%	-0.32%	-3.77%	-23.64%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.59	0.35%	-0.53%	-0.16%	-5.34%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3403.00	-1.42%	-6.31%	-10.99%	-24.76%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1728.00	0.00%	-0.92%	-3.57%	-14.16%		CAV, SAM
Than đá	USD/ton	69.15	0.70%	-0.39%	-2.70%	-37.51%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 49 US cent hay 0.8% lên 59.91 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 11 tăng 57 US cent hay 1.1% lên 53.93 USD/thùng.
- Giá dầu tăng khoảng 1% sau khi dự trữ nhiên liệu của Mỹ giảm nhưng đã tăng bị hạn chế bởi dự trữ dầu thô lớn hơn dự kiến và một loạt số liệu kinh tế yếu. Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết dự trữ xăng của Mỹ giảm 2.6 triệu thùng trong tuần trước (kết thúc vào ngày 11/10), trong khi dự trữ nhiên liệu chung cất, gồm dầu diesel và dầu sưởi, giảm 3.8 triệu thùng. Nhưng dự trữ dầu thô tăng mạnh, tăng 9.3 triệu thùng, vượt ước tính tăng 2.8 triệu thùng.
- Bổ sung thêm lo ngại về kinh tế toàn cầu và do đó là nhu cầu năng lượng là doanh số bán lẻ của Mỹ giảm lần đầu tiên trong 7 tháng, trong khi lượng nhà mới và sản lượng công nghiệp cũng giảm. Số liệu trước đó cho thấy tăng trưởng việc làm và hoạt động dịch vụ giảm tốc.
- Sự tiến triển Brexit cũng hỗ trợ giá dầu. Bất cứ thỏa thuận nào tránh Brexit không có thỏa thuận sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nhu cầu dầu mỏ.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.4% lên 1,495.31 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.3% lên 1,498.3 USD/ounce.
- Giá vàng tăng do số liệu kinh tế yếu từ Mỹ làm dấy lên những lo sợ về suy thoái kinh tế và do lo ngại về nguy cơ có thể xảy ra đối với một thỏa thuận Brexit mới. Doanh số bán lẻ của Mỹ suy yếu gây lo lắng cho sức khỏe của nền kinh tế lớn nhất thế giới này và hỗ trợ tâm lý trú ẩn an toàn.
- Thỏa thuận Brexit đạt được sau hơn 3 năm kể từ khi người dân Anh bỏ phiếu rời bỏ khối này, tuy nhiên Thủ tướng Boris Johnson vẫn phải đối mặt với cuộc bỏ phiếu không chắc chắn tại quốc hội để thỏa thuận này được chấp thuận.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm 2.2% xuống 615 CNY/tấn. Quặng sắt trên sàn Đại Liên giảm phiên thứ 4 liên tiếp, xuống mức thấp nhất 7 tuần, do lo sợ nhu cầu nguyên liệu thô sản xuất thép sẽ bị thiệt hại hơn nữa bởi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc. Căng thẳng thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới là một nguy cơ đáng kể đối với kinh tế toàn cầu với hiệu ứng lan tỏa sang các thị trường mới nổi.
- Thép thanh xây dựng và thép cuộn cán nóng trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải ổn định lần lượt tại 3,324 CNY/tấn và 3,312 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 0.11 US cent hay 0.9% xuống 12.24 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 2.7 USD hay 0.8% xuống 339.00 USD/tấn. Các đại lý cho biết thị trường tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ triển vọng thiếu hụt toàn cầu trong niên vụ 2019/20 mặc dù hiện tại đồng real của Brazil suy yếu trong tuần này đã hạn chế giá tăng.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 0.65 US cent hay 0.7% xuống 92.90 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 13 USD hay 1.1% xuống 1,227 USD/tấn. Các đại lý cho biết thị trường tiếp tục theo dõi chặt chẽ tiến triển vụ mùa tại Brazil, nơi có khả năng cho sản lượng kỷ lục trong năm 2020.
- Giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ đã giảm xuống 365 – 370 USD/tấn từ mức 368 – 372 USD/tấn một tuần trước. Giá gạo 5% tấm của Việt Nam không đổi so với 350 USD/tấn trong tuần trước. Giá gạo 5% tấm thu hẹp trong khoảng 395 – 400 USD/tấn so với 396 – 400 USD một tuần trước.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo kỳ hạn tháng 3/2020 đóng cửa tăng 1.2 JPY lên 163.8 JPY/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 5 CNY lên 11,565 CNY/tấn.

ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

Chuyện kể rằng có một bác nông dân rất nghèo, bác muốn làm một cái cày thật tốt để làm công việc đồng áng năng suất và đỡ vất vả hơn. Một hôm, bác rất vui vì đã xin được một cây gỗ tốt nhưng bác chưa làm cái cày bao giờ, bác bèn mang khúc gỗ ra ven đường ngồi đợi và hỏi ý kiến mọi người.

Bác đợi được một lúc thì một người đi qua chê: – Cày bác đợi to quá.

Bác nông dân nghe thấy có lý bèn làm theo. Một lúc lại có một người đi qua bảo: - Cái đầu cày bác làm to quá.

Bác nông dân nghe có lý hơn, bác lại chỉnh sửa theo. Một lúc lại một người đi qua nói: - Cày bác làm dài quá không thuận tay.

Bác nông dân nghe lại có lý hơn, lại chỉnh sửa theo.

Và cuối cùng, hết ngày hôm đấy bác nông dân chỉ còn một khúc gỗ nhỏ, bác không còn cơ hội để đợi cái cày theo ý mình nữa, cây gỗ quý đã thành một đống củi vụn. Bác buồn lắm nhưng cuối cùng bác đã hiểu: "Làm việc gì cũng vậy, mình phải có chính kiến của mình và kiên trì với một con đường đã chọn."

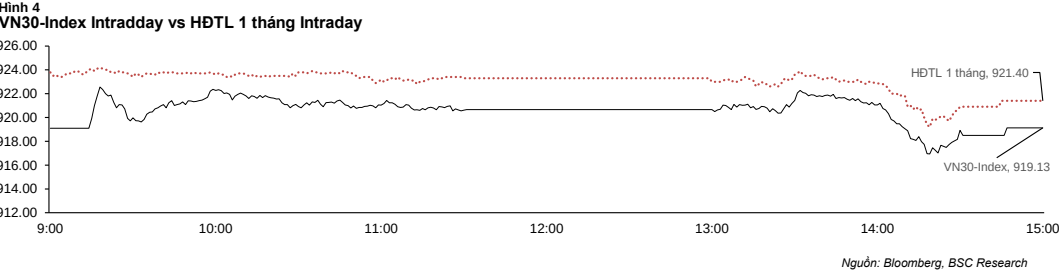
Câu chuyện "*đầu tư theo phong trào*" và bài học rút ra từ chuyện ngụ ngôn

Phần đông những người tham gia thị trường chứng khoán đều tìm cách tránh né những rủi ro và nỗi bất an bằng cách làm theo những gì người khác đang làm, với tâm lý là số đông luôn đúng hay còn gọi những nhà đầu tư tiêu biểu ở nhóm này là những người "*đầu tư theo phong trào*".

Áp dụng vào câu chuyện ngụ ngôn "Đẽo cày giữa đường" thì họ là những người đẽo cày. Hễ thấy ai nói hay, nói có lý lẽ về mã cổ phiếu thì đầu tư ngay mà chưa kịp tìm hiểu. Điều này chính là nguyên nhân gây ra nhà đầu tư thua lỗ là những người thiếu MỤC TIÊU cụ thể mà chủ yếu mua - bán chứng khoán theo phong trào.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	921.40	-0.31%	2.27	209.1%	49030	11/21/2019	34
VN30F1912	920.60	-0.16%	1.47	837.0%	253	12/19/2019	62
VN30F2003	920.00	-0.36%	0.87	267.4%	169	3/19/2020	153
VN30F2006	922.00	#DIV/0!	2.87	#DIV/0!	169	6/18/2020	244

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Nhận định:**
- VN30 Index gần như không thay đổi, được giữ tại mức 919.13 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, FPT, MSN, và MBB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 tích lũy tại vùng 920-922 điểm trọng phiên sáng. Sang phiên chiều, VN30 giảm mạnh trước khi phục hồi về cuối phiên. Thanh khoản duy trì tại mức tích cực, trong khi các chỉ báo kỹ thuật chưa cho thấy xu hướng rõ ràng.
 - Các HĐTL điều chỉnh giảm trong phiên hôm nay. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1911 và VN30F1912 đang giảm, trong khi VN30F2003 và VN30F2006 đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Điều này báo hiệu việc điều chỉnh giảm trong trung hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE1901	KIS	11/14/2019	27	2:1	34,940	-76.0%	2.5 triệu	25.99%	1,900	370	2.78%	0.10	3,700.00
CVNM1901	KIS	12/13/2020	422	10:1	1,002,880	0.9%	5.0 triệu	18.90%	1,200	640	1.59%	3.30	193.94
CFPT1903	SSI	12/30/2019	73	1:1	37,070	-50.0%	2.0 triệu	20.30%	6,000	13,700	1.26%	12,396.70	1.11
CMWG1904	SSI	12/30/2019	73	1:1	10,780	-77.0%	1.0 triệu	20.49%	14,000	36,800	1.15%	33,751.50	1.09
CHPG1905	SSI	12/30/2019	73	1:1	7,750	-82.1%	1.0 triệu	28.42%	3,300	1,930	0.52%	532.90	3.62
CDPM1901	KIS	1/9/2020	83	1:1	10,340	-70.4%	1.5 triệu	26.84%	1,900	2,590	0.39%	1,420.40	1.82
CMWG1902	VND	12/11/2019	54	4:1	10,200	-83.0%	2.4 triệu	20.49%	2,990	8,950	0.00%	8,382.60	1.07
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	52	5:1	10,190	-6.5%	1.5 triệu	20.49%	5,600	6,500	0.00%	5,906.90	1.10
CVHM1901	KIS	2/7/2020	112	4:1	300	-99.5%	5.0 triệu	27.21%	3,100	3,500	-0.28%	1,129.60	3.10
CVJC1901	KIS	2/26/2020	131	10:1	5,740	-57.4%	5.0 triệu	15.33%	1,800	2,600	-1.52%	1,685.20	1.54
CMWG1903	HSC	12/30/2019	73	5:1	22,340	-68.5%	2.0 triệu	20.49%	2,700	6,200	-1.90%	5,750.60	1.08
CVNM1902	KIS	3/26/2020	160	10:1	14,320	198.3%	5.0 triệu	18.90%	1,900	2,830	-3.08%	3,782.00	0.75
CREE1901	MBS	11/19/2019	32	3:1	127,100	-2.2%	3.0 triệu	23.36%	1,260	860	-3.37%	251.30	3.42
CSTB1901	KIS	1/9/2020	83	1:1	130,420	-20.2%	1.5 triệu	20.73%	1,390	1,560	-4.88%	439.80	3.55
CMBB1902	HSC	12/17/2019	60	1:1	189,300	40.6%	1.0 triệu	16.99%	3,200	4,040	-5.61%	1,526.30	2.65
CNVL1901	KIS	2/7/2020	112	4:1	44,540	37.3%	5.0 triệu	20.28%	1,900	2,300	-5.74%	551.60	4.17
CMWG1906	MBS	12/16/2019	59	5:1	15,760	-33.0%	3.0 triệu	20.49%	2,850	2,400	-6.98%	1,124.30	2.13
CFPT1904	MBS	11/19/2019	32	3:1	136,830	-2.4%	3.0 triệu	20.30%	1,700	2,150	-8.51%	1,795.80	1.20
CHPG1902	KIS	12/11/2019	54	5:1	418,900	19.1%	6.0 triệu	28.42%	1,000	100	-9.09%	-	n/a
CVIC1901	KIS	11/14/2019	27	5:1	111,280	25.1%	2.0 triệu	20.95%	1,960	550	-9.84%	0.30	1,833.33
CHPG1906	KIS	11/14/2019	27	2:1	610,960	495.0%	5.0 triệu	28.42%	1,500	170	-15.00%	0.10	1,700.00
CMSN1901	KIS	11/14/2019	27	5:1	86,000	49.3%	1.8 triệu	22.71%	1,920	610	-15.28%	2.50	244.00
Tổng:					3,037,940		65.2 triệu	22.11%**					
Chú thích:					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn								

- Nhận định:**
- Trong phiên giao dịch ngày 18/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều với chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
 - Về giá, CMSN1901 và CHPG1906 giảm mạnh nhất lần lượt là -15.28% và -15.00%. Thanh khoản thị trường tăng 12.64%. CVNM1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 33% thị trường.
 - Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT và MWG, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CVNM1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MSN điều chỉnh giảm mạnh trong những phiên gần đây sau khi tích lũy tại vùng 77-77.5. Thanh khoản tăng và các chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu giảm ngắn hạn. Điều chỉnh giảm của MSN có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	132.50	1.15	1.06
FPT	57.10	0.71	0.30
EIB	16.55	1.22	0.29
VHM	87.00	0.58	0.25
VJC	139.10	0.43	0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	76.0	-1.30	-0.65
MBB	23.0	-0.86	-0.38
VPB	22.4	-0.44	-0.24
STB	10.8	-0.92	-0.24
BID	40.1	-1.72	-0.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE1901	44,688	40,888	31,900
CVNM1901	46,340	156,285	132,500
CFPT1903	56,154	45,140	57,100
CMWG1904	165,000	90,000	122,900
CHPG1905	93,300	23,100	21,400
CDPM1901	15,888	13,988	14,950
CMWG1902	48,130	90,000	122,900
CMWG1905	122,000	94,000	122,900
CVHM1901	102,288	89,888	87,000
CVJC1901	163,678	145,678	139,100
CMWG1903	25,800	95,000	122,900
CVNM1902	152,333	133,333	132,500
CREE1901	41,330	37,550	36,750
CSTB1901	12,278	10,888	10,800
CMBB1902	26,300	21,800	23,000
CNVL1901	69,688	62,088	60,100
CMWG1906	135,150	120,900	122,900
CFPT1904	57,100	52,000	57,100
CHPG1902	166,285	41,999	21,400
CVIC1901	150,688	140,888	117,000
CHPG1906	31,088	28,088	21,400
CMSN1901	98,488	88,888	76,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	122.9	0.0%	0.7	2,366	1.8	7,893	15.6	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.4	-0.4%	1.0	797	1.6	4,839	17.0	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	71.4	0.1%	1.3	2,176	0.2	1,505	47.4	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.1	-1.8%	0.7	323	0.1	3,061	10.5	1.1	54.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	117.0	0.0%	1.1	17,021	1.3	1,643	71.2	4.7	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.9	0.2%	1.1	3,230	2.9	1,033	30.9	2.6	31.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.1	-0.3%	0.8	2,431	1.1	3,579	16.8	2.8	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	36.8	0.7%	1.0	495	0.9	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.0	-1.8%	1.4	367	1.0	3,215	5.0	1.0	46.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.1	-1.2%	1.3	466	1.2	1,997	10.6	1.1	57.0%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.5	-1.7%	1.0	247	0.0	5,067	6.8	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.5	-2.0%	1.5	299	0.7	1,434	15.7	1.6	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	57.1	0.7%	0.8	1,684	3.6	4,349	13.1	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	1.1%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.0	0.0%	1.5	8,405	0.7	6,066	16.7	4.3	3.6%	26.9%
PLX	Dầu khí	57.9	0.5%	1.5	2,998	0.3	3,350	17.3	3.4	13.4%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.5	0.0%	1.7	384	0.9	2,397	7.7	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.6	1.1%	0.8	1,294	0.4	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.5	2.2%	0.5	532	0.1	4,616	20.3	4.0	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.0	1.0%	0.7	254	0.2	853	17.5	0.8	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.7	-1.8%	0.6	177	0.1	897	8.6	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	85.0	-0.2%	1.3	13,707	1.5	4,729	18.0	4.1	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.1	-1.7%	1.5	5,960	2.2	2,091	19.2	2.5	3.4%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.6	-1.4%	1.6	3,497	2.8	1,470	14.7	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.4	-0.4%	1.2	2,393	5.3	2,989	7.5	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.0	-0.9%	1.1	2,282	4.1	3,215	7.2	1.4	21.6%	21.7%
ACB	Ngân hàng	24.1	-1.2%	1.1	1,699	2.0	4,469	5.4	1.3	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.4	-0.7%	0.9	190	0.3	5,017	10.6	1.8	78.9%	17.1%
NTP	Nhựa	39.4	-0.8%	0.3	153	0.1	4,490	8.8	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.7	-0.6%	1.2	653	0.0	732	22.8	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.4	0.0%	1.0	2,569	2.1	2,760	7.8	1.3	37.6%	19.9%
HSG	Thép	6.9	-3.6%	1.5	127	0.8	425	16.3	0.5	17.3%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	132.5	1.1%	0.8	10,032	6.4	5,465	24.2	8.1	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	252.1	-0.4%	0.8	7,029	0.1	6,735	37.4	9.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	76.0	-1.3%	1.2	3,863	1.5	3,304	23.0	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.7	0.0%	0.5	477	1.1	445	42.1	1.7	5.9%	3.9%
ACV	Vận tải	77.8	1.0%	0.8	7,364	0.1	2,630	29.6	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	139.1	0.4%	1.1	3,168	2.4	9,850	14.1	5.4	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	34.7	-1.7%	1.7	2,140	0.6	1,747	19.9	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.4	0.4%	0.8	341	0.3	1,888	14.0	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.6	-0.9%	0.6	203	0.3	2,435	6.8	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.2	-1.5%	0.9	581	0.6	7,667	11.1	4.4	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	0.0%	0.8	371	0.1	1,327	14.4	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	-1.3%	0.8	257	0.1	1,657	9.4	1.1	6.1%	11.7%
CTD	Xây dựng	87.3	-0.8%	0.7	290	0.1	13,535	6.4	0.8	48.8%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.1	509	0.4	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	25.3	4.3%	0.5	272	1.2	387	65.3	1.3	52.1%	1.9%
POW	Điện	13.3	0.8%	0.6	1,354	2.5	820	16.2	1.3	14.3%	7.8%
NT2	Điện	23.3	1.5%	0.6	292	0.7	2,721	8.6	1.7	19.8%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	132.50	1.15	0.77	1.12MLN
VHM	87.00	0.58	0.49	327740.00
PLX	57.90	0.52	0.11	132570.00
VJC	139.10	0.43	0.10	400630.00
CII	25.25	4.34	0.09	1.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	8.80	2.33	0.08	774800.00
MBG	38.00	9.83	0.07	600900.00
PGS	31.40	3.29	0.03	2100.00
INN	34.00	4.62	0.02	20200.00
SJ1	17.40	9.43	0.01	400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	40.10	-1.72	-0.71	1.23MLN
MSN	76.00	-1.30	-0.35	448610.00
CTG	21.60	-1.37	-0.33	2.94MLN
HVN	34.70	-1.70	-0.25	427470.00
VCB	85.00	-0.23	-0.22	417240.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.10	-1.23	-0.50	1.86MLN
SHB	6.60	-1.49	-0.11	2.71MLN
VCS	85.20	-1.50	-0.04	151900.00
TNG	16.80	-4.00	-0.03	2.12MLN
SHS	8.00	-2.44	-0.03	580300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAV	9.84	6.96	0.00	10.00
FIT	4.31	6.95	0.02	1.20MLN
FLC	4.63	6.93	0.06	16.71MLN
HAX	23.25	6.90	0.02	1.05MLN
KMR	2.80	6.87	0.00	183130.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	246900.00
DST	1.00	11.1	0.00	141000.00
FID	1.10	10.0	0.00	200.00
SJC	2.20	10.0	0.00	200.00
VTS	22.20	9.9	0.00	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	6.65	-6.99	0.00	70.00
TTB	21.40	-6.96	-0.02	362530.00
CMX	24.10	-6.95	-0.01	33660.00
LSS	4.77	-6.84	-0.01	83970.00
PXI	2.05	-6.82	0.00	7590.00

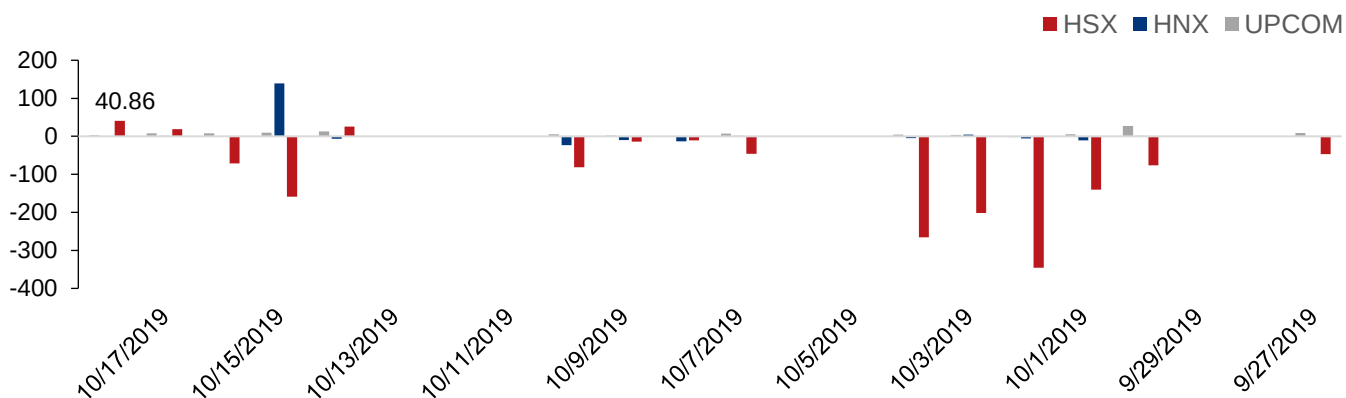
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	199200.00
SRA	9.40	-9.62	-0.02	459300.00
HPM	8.80	-9.28	0.00	200.00
VE4	7.10	-8.97	0.00	100.00
KKC	7.40	-8.64	0.00	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.3	2,582	7.5	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.0	3,672	10.6	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	76.0	3,304	23.0	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	132.5	5,465	24.2	8.1	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.7	2,680	8.5	1.7	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.8	5,261	7.0	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	80.4	18,865	4.3	1.6	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,076	4.1	0.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.1	4,469	5.4	1.3	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.2	1,098	12.9	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.0	4,729	18.0	4.1	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	24.3	1,723	14.1	1.8	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.0	3,215	7.2	1.4	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	54.2	2,801	19.4	3.2	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.4	1,888	14.0	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.2	3,705	7.3	2.0	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.1	4,349	13.1	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.5	649	20.8	1.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	122.9	7,893	15.6	5.2	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	82.4	4,839	17.0	4.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đã hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express CTI 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 24650 Về định hướng 3 năm tới Phát triển khu công nghiệp (1 cụm vs 1 khu KCN): (1) Cách ghi nhận: đều từng năm (2) 1 cụm 48 ha ở Tân An Vĩnh Cửu để #ây dựng cho thuê. Giá cho thuê quanh đó: 55 USD/50 năm. (3) 1 khu 640 ha (đang trình thủ tướng thành 750 ha): mới hoàn thành 14 ha. Năm 2020 đột biến về DT: (1) Ghi nhận doanh thu BOT 319 Nhơn Trạch (2) Ghi nhận dự án Bất động sản Khu dân cư (Lợi nhuận 30%). CTI phụ trách thi công hạ tầng, giao đất, hiện đang tìm đối tác phân phối độc quyền. DT dự kiến ghi nhận là 1,300 tỷ. (3) Dự kiến ghi nhận Nhà ở xã hội: đã bán và đóng thuế tạm tính nhưng chưa ghi nhận doanh thu (330 tỷ - 2 block).
Express CSV 2019Q4	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23450 Kết quả kinh doanh Q3.2019 (1) DT Q3 337 tỷ LNTT 74 tỷ (2) Dự kiến LNTT kế hoạch 2020 250 bil (3) Hoàn thành dự án thay thế điện phân và duy trì được sản lượng ổn định và tăng công suất 10 – 15%. Về giá bán các sản phẩm giá bán vẫn cạnh tranh với xút nhập khẩu (1) Giá xút nhập khẩu giảm do dư cung ở thị trường thế giới với mức 12,253,000 VND/tấn với xút 100%. (2) Giá Axit clo 2,354,000 vnd/tấn +16% YoY. (3) Các sản phẩm khác giá bán duy trì, không thấp hơn so với 2018
Express VHC 2019Q4	27/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 79500 Về hoạt động kinh doanh Q4.2019: (1) Giá bán của các thị trường bình ổn như Q3. (2) Hợp đồng ký trong Q4 đã hoàn tất và dự kiến sản lượng ký bán tăng khá nhiều (mùa tiêu thụ như VHC kỳ vọng). (3) Số T7 + T8 giảm (chứ ko tăng như kỳ vọng trước của công ty) do việc đẩy sản lượng Trung Quốc để bù phần của Mỹ không được như kỳ vọng (do văn hóa khác nhau). (4) Các hợp đồng ký cho năm 2020 đang được thương thảo: giá kỳ vọng ổn định
Express ANV 2019Q4	25/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200 Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bố mẹ, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phú) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn/ngày

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn